

Bản án số: 253/2023/DS-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Ông Đặng Quang Nhã

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 238/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4501/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5218/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lý N, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 1x đường C, phường L, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vương Mỹ C, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 2B Lx đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 004xxx, quyền số 04/2023 Tx/Cx-Sxx/HĐGD ngày 27 tháng 4 năm 2023).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 5x Lô X Tầng Y, Chung cư 2x đường T, phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lý N trình bày:

Ngày 17 tháng 7 năm 2012, nguyên đơn cho bị đơn vay 278.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 17 tháng 7 năm 2012 theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 027xxxx, quyền số 7 P/CC-Sxx/HĐxx lập tại Văn phòng công chứng S.

Ngày 18 tháng 7 năm 2013, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền số công chứng 026yyy, quyền số 7 TP/CC-Syy/HĐyy gia hạn thời hạn vay thêm 02 năm từ ngày 18 tháng 7 năm 2013 đến ngày 18 tháng 7 năm 2015.

Quá trình vay tiền bị đơn đã trả tiền thành nhiều đợt:

- Ngày 18 tháng 01 năm 2016, bị đơn trả cho nguyên đơn 100.800.000 đồng.
- Từ ngày 28 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2016 (44 tuần), bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 700.000 đồng/tuần là: 44 tuần x 700.000 = 30.800.000 đồng.
- Từ ngày 10 tháng 02 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (11 tháng), bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng/tháng là: 11 tháng x 2.000.000 = 22.000.000 đồng.

Sau đó, bị đơn không còn trả tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn cũng không thể liên lạc hay gặp mặt bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 124.400.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị D không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị D, nhưng bà D vẫn không có mặt do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại Số 5x Lô X Tầng Y, Chung cư 2x đường T, phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác minh của công an phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết bà Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú tại Số 5x Lô X, Chung cư 2x đường T, phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên và hiện đi đâu không rõ.

Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú, nên địa chỉ Số 5x Lô X Tầng Y, Chung cư 2x đường T, phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú

cuối cùng. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ trên là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung: Hợp đồng vay tiền hai bên ký kết vào năm 2012, có sửa đổi bổ sung năm 2013. Do đó, Luật nội dung áp dụng là Bộ luật dân sự 2005.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 124.400.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng vay tiền số công chứng 027xxx, quyền số 7 P/CC-Sxx/HĐxx ngày 17 tháng 7 năm 2012 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền số công chứng 026yyy, quyền số 7 TP/CC-Syy/HĐyy ngày 18 tháng 7 năm 2013 có cơ sở xác định bị đơn Nguyễn Thị D có vay của nguyên đơn Lý N số tiền là 278.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 17 tháng 7 năm 2012 đến ngày 18 tháng 7 năm 2015.

Hợp đồng vay tiền và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền hai bên lập tại Văn phòng công chứng S, hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 471, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 nên có giá trị pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và xác nhận của nguyên đơn đủ cơ sở xác định bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 153.600.000 đồng, cụ thể: ngày 18 tháng 01 năm 2016 trả 100.800.000 đồng, từ ngày 28 tháng 02 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2016 trả 30.800.000 đồng, từ ngày 10 tháng 02 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 trả 22.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 124.400.000 đồng bị đơn chưa trả. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền còn lại là 124.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Điều 1 Hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1.1%/tháng, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 6.220.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho bà Lý N số tiền vay còn nợ là 124.400.000 đồng của hợp đồng vay tiền số công chứng 027xx, quyền số 7 P/CC-Sxx/HĐxx ngày 17 tháng 7 năm 2012 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền số công chứng 026yyy, quyền số 07 TP/CC-Syy/HĐyy ngày 18 tháng 7 năm 2013 lập tại Văn phòng công chứng S.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 6.220.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phúc Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo